

**Bản án số: 47/2022/DS-PT**  
**Ngày: 28-4-2022**  
**V/v “Tranh chấp QSD đất”**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Khải

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hồng Thanh

Bà Võ Thị Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Hùng Vĩ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Dương Thanh Giêng  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2021/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2022/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 38/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 46/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L; địa chỉ ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu X; địa chỉ ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Văn Đ là Luật sư của Văn phòng LSTĐ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị N; địa chỉ ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Ông Nguyễn Văn X1; địa chỉ ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị E; địa chỉ ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

3.4. Ông Trần Văn T; địa chỉ ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau: Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà là con gái út trong gia đình sống cùng với cha mẹ từ nhỏ và cùng canh tác phần đất tại ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang. Vào ngày 20/10/2010 bà được mẹ ruột là bà Bùi Thị N tặng cho toàn bộ phần đất 17.428m<sup>2</sup> và đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng phần đất này. Sau đó giữa bà và bà N xảy ra tranh chấp hợp đồng tặng cho và đã được Tòa án xét xử tại bản án số 51/2017/DS-PT ngày 21/3/2017 công nhận phần đất bà đứng tên là hợp pháp. Tuy nhiên, trước đó vào năm 2009 mẹ bà có cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X cất nhà ở và canh tác phần đất tại thửa 654, diện tích 1.504m<sup>2</sup>. Nay phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X phải dỡ nhà trả lại đất cho bà. Bà thống nhất yêu cầu bị đơn trả phần đất theo đo đạc thực tế là 1.361m<sup>2</sup> theo mảnh trích đo địa chính số 06-2016 (số: 44/TT.KTTN&MT) ngày 23/3/2016 của Trung tâm KTTN&MT tỉnh Hậu Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X trình bày: Phần đất tranh chấp với nguyên đơn là do cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn X1 và bà Nguyễn Thị E cho bà cất nhà ở từ năm 1995 cho đến nay. Nguồn gốc đất này là của bà ngoại bà là bà Bùi Thị N, do thấy hoàn cảnh của bà khó khăn và cha mẹ cần có đường nước sử dụng để canh tác phần đất liền kề nên bà ngoại bà thỏa thuận với cha mẹ bà đổi đất và cha mẹ bà cho lại bà cất nhà ở và sử dụng cho đến nay. Việc đổi đất thì phía nguyên đơn cũng biết và không có ý kiến phản đối. Phần đất đang tranh chấp bà đã cất nhà ở, canh tác ổn định hơn hai mươi năm nay nên bà không đồng ý trả lại theo yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn X1 cùng thống nhất trình bày: Vào năm 1995 gia đình ông bà khó khăn thiếu chỗ ở nên có thỏa thuận với bà Bùi Thị N trao đổi đất. Bà N đổi cho vợ chồng ông bà một công tầm 3m đất Cơ Nhì toàn lung bào và vợ chồng ông bà đổi lại cho bà N một công tầm 3m đất Cơ Nhất cùng ấp F, xã VĐ. Do tình nghĩa mẹ con tin tưởng nên không có làm giấy đổi đất nhưng có nhiều người hiểu biết và hai bên đã giao

đất sử dụng từ năm 1995 đến nay và chưa tách quyền sử dụng đất trên giấy. Sau đó, để dễ vay vốn làm ăn nên bà N đã sang tên quyền sử dụng đất cho bà L đứng tên. Vợ chồng ông bà đã nhiều lần yêu cầu bà L làm thủ tục tách phần đất trao đổi nhưng phía bà L hèn lãn không thực hiện. Do đó, việc bà L làm đơn đòi lại một công đất kể trên là không hợp lý vì lúc đổi đất thì bà L cũng đồng ý với bà N. Hơn nữa, sau khi nhận đất ông bà đã cho con gái là Nguyễn Thị Thu X cất nhà, sử dụng ổn định cho đến nay. Nay ông bà yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp cho bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị N trình bày: Trước đây vào năm 1995 giữa bà và vợ chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L với vợ chồng bà Nguyễn Thị E thống nhất đổi đất. Theo đó, bà và bà L lấy một công đất mía đổi với vợ chồng bà E một công đất ruộng. Bà E đã sử dụng và cho lại con gái là Nguyễn Thị Thu X cất nhà ở và sử dụng cho đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu giữ nguyên việc đổi đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

*Tại bản án sơ thẩm số: 35/2021/DS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X phải trả  $\frac{2}{3}$  giá trị quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp 1.361m<sup>2</sup> với số tiền 117.046.000<sup>d</sup> (một trăm mười bảy triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

Ổn định cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X phần đất tranh chấp tại thửa 654, diện tích 1.361m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 10 có kích thước và vị trí như sau: Chiều ngang một đầu giáp Kinh Đầu ngàn là 18.9m, chiều ngang đầu còn lại giáp thửa 554 là 19.52m, chiều dài cạnh giáp thửa 652 là 71.5m, chiều dài cạnh còn lại giáp thửa 875 và 655 là 70.3m, đất tọa lạc tại ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang (theo mảnh trích đo địa chính số 06-2016 ngày 23/3/2016 của Trung tâm KTTN&MT tỉnh Hậu Giang).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí thẩm định, định giá, lược đồ; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021: Bà Nguyễn Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà Nguyễn Thị Thu X trả lại cho bà toàn bộ phần đất đang tranh chấp. Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang kháng nghị Bản án sơ thẩm với lý do đất tranh chấp khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là loại đất Mía; hiện nay loại đất không thay đổi mục đích sử dụng còn việc tôn tạo đất là nhằm phục vụ nhu cầu ở, sinh hoạt của bị đơn nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn chỉ trả cho nguyên đơn  $\frac{2}{3}$  giá trị đất tương đương 117.046.000<sup>d</sup> (một trăm mười bảy triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) trong tổng giá trị đất là 175.569.000<sup>d</sup> (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng) là chưa đúng nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bị đơn trả cho nguyên đơn toàn bộ giá trị phần đất đang tranh chấp là 175.569.000<sup>d</sup> (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn toàn bộ phần đất đang tranh chấp.

Bị đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị E, ông Nguyễn Văn X1 cùng ý kiến yêu cầu giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm và cho rằng, phần đất tranh chấp cha, mẹ của bị đơn là bà Nguyễn Thị E và ông Nguyễn Văn X1 được bà ngoại của bị đơn là bà Bùi Thị N thống nhất đổi đất, bà N nhận phần đất khác của bà E, ông X1; bà E, ông X1 nhận phần đất đang tranh chấp và cho bị đơn cất nhà ở. Bị đơn đã khai phá, bơm cát cất nhà, phần còn lại trồng cây ăn trái cho đến nay; nguyên đơn cũng đã biết nhưng không ý kiến cho đến khi có bản án tranh chấp với bà N có hiệu lực mới yêu cầu khởi kiện đòi lại. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý và đều có yêu cầu ổn định cho bị đơn được quyền sử dụng. Tại phiên tòa hôm nay theo bị đơn nhằm ổn định đất canh tác và tránh tranh chấp giữa di cháu kéo dài tự nguyện bồi thường cho nguyên đơn toàn bộ giá trị đất đã được cơ quan định giá.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng; quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát nhận định: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là của nguyên đơn nhưng do bị đơn đã liên tục ổn định sử dụng trên 20 năm, đã xây nhà kiên cố, trồng cây trên đất và ngoài phần đất này thì bị đơn không

còn nơi ở nào khác nên ổn định đất cho bị đơn và bị đơn phải trả giá trị cho nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn  $\frac{2}{3}$  giá trị đất chưa đúng. Do đó, đại diện Viện kiểm sát có kháng nghị Phúc thẩm số: 217/QĐ-VKS-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang và tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn tự nguyện trả đủ giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, xét tự nguyện của bị đơn là phù hợp với nội dung kháng nghị và không trái với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; áp dụng Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị N, ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn và bị đơn thống nhất với lược đồ cấp sơ thẩm đã áp dụng và không kháng cáo về phần lược đồ và Viện kiểm sát không kháng nghị, nên Hội đồng xét xử căn cứ mảnh trích đo địa chính số 06-2016 (số: 44/TT.KTTN&MT) ngày 23/3/2016 của Trung tâm KTTN&MT tỉnh Hậu Giang thể hiện phần đất tranh chấp tại thửa 654, diện tích 1.361m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 10 có kích thước và vị trí như sau: Chiều ngang một đầu giáp Kinh Đầu ngàn là 18.9m, chiều ngang đầu còn lại giáp thửa 554 là 19.52m, chiều dài cạnh giáp thửa 652 là 71.5m, chiều đầu còn lại giáp thửa 875 và 655 là 70.3m tại ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.1] Xét về nguồn gốc, quá trình sử dụng: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của bà Bùi Thị N tạo lập và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Theo bà N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều xác định bà N lấy phần đất tranh chấp này đổi phần đất khác của ông Nguyễn Văn X1 và bà Nguyễn Thị E là cha, mẹ của bị đơn nhưng cha mẹ bị đơn chưa sang tên phần đất tranh chấp này. Cha mẹ của bị đơn cho lại bị đơn sử dụng từ năm 1995 đến nay. Tuy nhiên, đến ngày 24/12/2010 bà N lại sang tên toàn bộ phần đất do bà N đứng tên có phần đất đang tranh chấp cho con gái là bà Nguyễn Thị L theo hình thức tặng cho và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận chính lý biến động. Đến năm 2016 giữa bà N và nguyên đơn xảy ra tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và đã được Tòa án giải quyết bằng bản án số

51/2017/DS-PT ngày 21/3/2017 có hiệu lực pháp luật. Cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp tại thửa 654 là thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn là phù hợp với nội dung bản án.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại bằng quyền sử dụng đất và không đồng ý nhận giá trị: Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù lời khai của nguyên đơn không thừa nhận việc đổi đất và không thừa nhận bị đơn sử dụng đất vào năm 1995 mà cho rằng bị đơn ở nhờ phần đất tranh chấp từ năm 2009. Nguyên và bị đơn trình bày diễn biến sử dụng và thời gian sử dụng đất không trùng khớp nhau; nhưng việc bị đơn sử dụng đất trước khi xác lập hợp đồng tặng cho và chỉnh lý sang tên từ bà N sang nguyên đơn là có thật. Trước khi phát sinh tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà N và nguyên đơn, đến khi bản án phúc thẩm số 51/2017/DS-PT ngày 21/3/2017 có hiệu lực thì trước đó bị đơn đã sử dụng ổn định phần đất đang tranh chấp, vào thời điểm đó các đương sự, trong đó có nguyên đơn đều không phản đối việc sử dụng đất của bị đơn. Cấp sơ thẩm cũng như ý kiến của Viện kiểm sát nhận định bị đơn có quá trình sử dụng đất lâu dài, đã đầu tư tôn tạo thành đất có giá trị và cất nhà ở kiên cố, trồng cây lâu năm nguyên đơn không phản đối. Cấp sơ thẩm ổn định phần đất cho bị đơn và buộc bị đơn trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là có cơ sở. Do đó kháng cáo yêu cầu nhận đất của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát cho rằng, cấp sơ thẩm chỉ tuyên bị đơn trả  $\frac{2}{3}$  giá trị quyền sử dụng đất là chưa đúng đề nghị sửa án sơ thẩm buộc bị đơn trả lại toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn theo chứng thư thẩm định giá số: 203/BĐS ngày 04/11/2021 của Công ty cổ phần Thẩm định giá Thống Nhất là 175.569.000<sup>d</sup> (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng). Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị đơn tự nguyện trả giá trị 175.569.000<sup>d</sup> (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng); sự tự nguyện của bị đơn phù hợp với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nên được ghi nhận. Do đó có cơ sở chấp nhận kháng nghị Phúc thẩm số: 217/QĐ-VKS-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang; áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 99, Điều 100, Điều 202, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận kháng nghị số 217/QĐ-VKS-DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

Chấp nhận một phần kháng cáo, một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

Không chấp nhận một phần kháng cáo, một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về yêu cầu đòi lại bằng quyền sử dụng đất.

Sửa bản án sơ thẩm.

### **Tuyên xử:**

1. Ổn định cho bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X phần đất tranh chấp tại thửa 654, diện tích 1.361m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 10 có kích thước và vị trí như sau: Chiều ngang một đầu giáp Kinh Đầu ngàn là 18.9m, chiều ngang đầu còn lại giáp thửa 554 là 19.52m, chiều dài cạnh giáp thửa 652 là 71.5m, chiều dài cạnh còn lại giáp thửa 875 và 655 là 70.3m, đất tọa lạc tại ấp F, xã VĐ, huyện VT, tỉnh Hậu Giang; có kèm theo **mảnh trích đo địa chính số 06-2016 (số: 44/TT.KTTN&MT) ngày 23/3/2016 của Trung tâm KTTN&MT tỉnh Hậu Giang.**

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L giá trị quyền sử dụng phần đất tranh chấp 1.361m<sup>2</sup> với số tiền là 175.569.000<sup>d</sup> (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với số tiền 175.569.000<sup>d</sup> là 8.778.450<sup>d</sup> (tám triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000<sup>d</sup> (hai triệu đồng) theo biên lai thu số 0015870 ngày 22/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L được nhận lại 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0002620 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Hậu Giang.

5. Chi phí thẩm định, định giá, lược đồ bị đơn bà Nguyễn Thị Thu X phải nộp 6.400.000<sup>d</sup> (sáu triệu bốn trăm nghìn đồng) để trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L 4.200.000<sup>d</sup> (bốn triệu hai trăm nghìn đồng) và nộp lại cho Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Hậu Giang 2.200.000<sup>d</sup> (hai triệu hai trăm nghìn đồng) đã tạm ứng trả trước chi phí định giá phần đất tranh chấp.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 28 tháng 4 năm 2022.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. Vị Thủy;
- Chi cục THADS H. Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Hoàng Khải**



